



### KIỂM TRA CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG LÀM MÁT

**Vấn đề:** Hệ thống làm mát không đủ mát/không mát khi hệ thống AC hoạt động

**Lý do:** Hệ thống AC phụ thuộc vào nhiều thành phần khác nhau để làm mát hiệu quả. Lỗi của từng thành phần riêng lẻ sẽ dẫn đến các triệu chứng lỗi khác nhau, cuối cùng dẫn đến làm mát không hiệu quả.

**Chuẩn bị cơ bản cho việc chẩn đoán liên quan đến AC**

**Các điều kiện lỗi:**

Mô tả	Lỗi trong khi nổ cầm chừng/ đang chạy
Không có hoặc giảm luồng không khí đi ra từ cửa gió AC	Điều kiện A
Hiệu suất làm mát không đủ	Điều kiện B
Không làm mát	Điều kiện C

#### Kiểm tra sơ bộ:

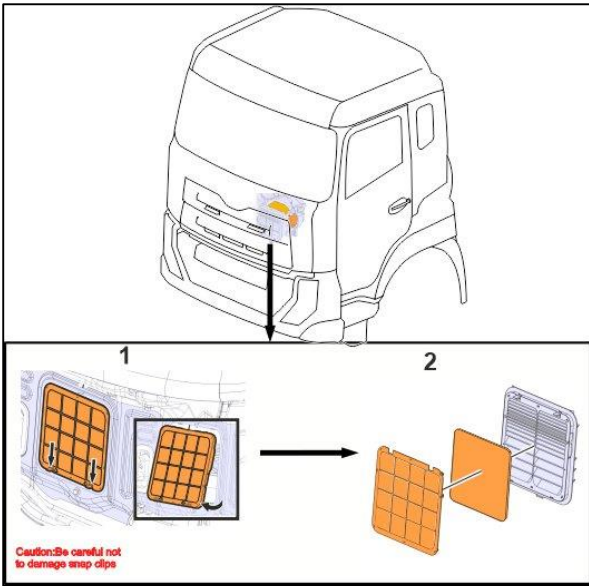
##### Kiểm tra trước – 1

##### Làm sạch bộ lọc tuần hoàn (lọc lạnh)

Nếu xe có cả bộ lọc bên trong và bên ngoài thì cần phải được vệ sinh

##### Vệ sinh lọc gió AC

- Đảm bảo AC TẮT và chế độ AC phải ở chế độ tuần hoàn (gió trong) để tránh bụi từ bên ngoài xâm nhập vào hệ thống HVAC.
- Loại bỏ lưới nylon bằng cách nhấn các khoá từ HVAC
- Sau khi tháo, loại bỏ bụi bẩn
- Nếu bụi tích tụ trên bộ lọc, nên tháo Lưới nylon và làm sạch bằng cách đập nhẹ vào lưới và bộ lọc xenlulo (Nó cũng có thể được rửa sạch bằng nước, nhưng phải đảm bảo rằng bộ lọc lưới/xenlulo đã khô hoàn toàn trước khi nó được lắp lại vào xe)
- Sau khi vệ sinh xong hãy lắp vào vị trí ban đầu



##### Kiểm tra trước – 2

Kiểm tra xem các cánh đảo gió tuần hoàn có đang Đóng / Mở hay không khi công tắc tuần hoàn trên bảng điều khiển được bật /ngắt Refer IMPACT TSB - UDE 87-003-001, HVAC Re-circulation flap not closing

##### Kiểm tra trước – 3

Kiểm tra các cánh tản nhiệt dàn nóng xem có bụi bẩn không và làm sạch bụi bẩn bằng khí nén hoặc nước

#### ĐIỀU KIỆN A – Không có hoặc giảm luồng không khí từ cửa gió AC

	Speed 1,2&3 OK	Speed 1,2&3 NOK
Speed 4 OK	Proceed to Step1	Replace Blower Motor Resistor
Speed 4 NOK	Not Applicable	<ol style="list-style-type: none"> <li>Clean/Replace Blower Motor. Refer Impact Operation ID 87306-2</li> <li>Check Switch and Wiring Harness</li> </ol>

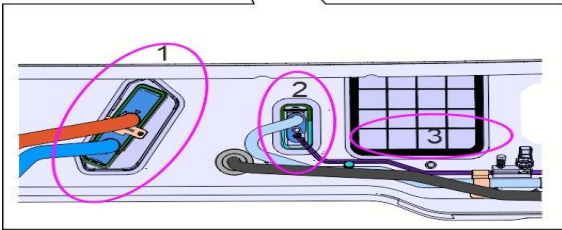
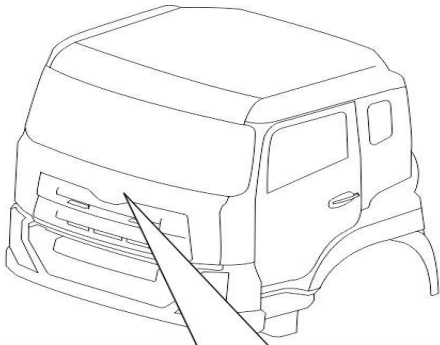


**Lưu ý:** Nếu các bước kiểm tra trên được khắc phục mà vẫn tồn tại vấn đề lưu lượng khí thấp Thực hiện theo STEP – 9: Evaporator Cleaning

**ĐIỀU KIỆN B – Hiệu suất làm mát không đủ**

**STEP 1 - Kiểm tra xem không khí có bị rò rỉ từ các vùng giao tiếp giữa HVAC và vách chống cháy**

Mục đích	Hành động
1. Bịt kín bột xốp TXV vào vách chống cháy	Áp dụng chất bịt kín Polyurethane xung quanh thiết bị bị ảnh hưởng. Chờ 24 giờ để keo đông kết
2. Bịt kín bằng bột xốp ống sưởi đến vách ngăn.	Áp dụng chất bịt kín Polyurethane xung quanh thiết bị bị ảnh hưởng. Chờ 24 giờ để keo đông kết
3. Làm kín bộ lọc không khí sạch đến vách ngăn	Áp dụng chất bịt kín Polyurethane xung quanh thiết bị bị ảnh hưởng. Chờ 24 giờ để keo đông kết



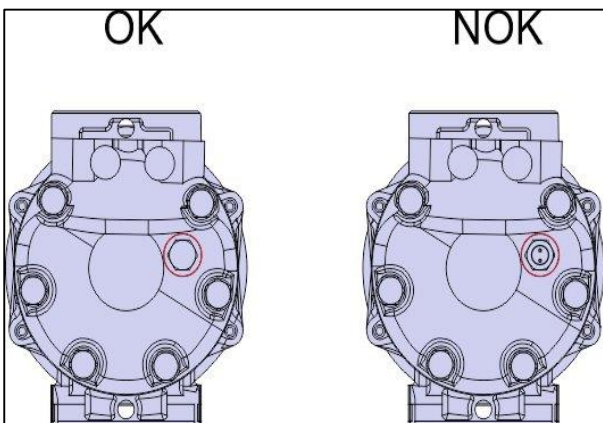
**STEP 2: Kiểm tra AC – Van giảm áp máy nén lạnh (PRV)**

Mục đích	Hành động	Đánh giá	Yes	No
Kiểm tra van giảm áp máy nén lạnh (PRV)	Tắt chìa khoá Kiểm tra trực quan phốt chắn vùi PRV	Phốt chắn bụi PRV vẫn đóng		

Phốt chắn vùi PRV có đóng không?

**Nếu phốt chắn bụi PRV vẫn OK, tiếp tục STEP 3 – Kiểm tra áp suất ga lạnh (Phốt chắn bụi PRV vẫn đóng)**

**Nếu phốt chắn bụi PRV vẫn NOK, tiếp tục STEP 5 – Lỗi máy nén lạnh**





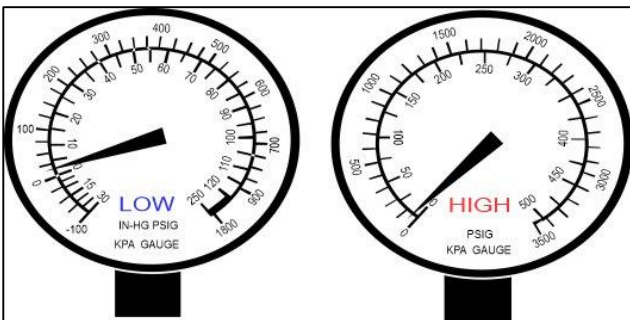
**STEP 3 – Kiểm tra áp suất ga lạnh (Phốt chặn bụi PRV vẫn đóng)**

Mục đích	Hành động	Đánh giá	Yes	No
Mạch áp thấp Kiểm tra áp suất ga lạnh (phốt chặn bụi PRV vẫn đóng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt chìa khoá</li> <li>• Lắp đồng hồ đo áp suất</li> <li>• Kiểm tra giá trị áp suất khi AC tắt (từ 5-8 bar)</li> <li>• Bật chìa khoá</li> <li>• Khởi động động cơ</li> <li>• Nổ máy trong 5 phút ở tốc độ cầm chừng với AC tắt</li> <li>• Bật AC</li> <li>• Đặt tốc độ quạt gió ở số 4</li> <li>• Đặt chế độ lấy gió trong</li> <li>• Đặt hướng gió hướng vào mặt</li> <li>• Làm mát tối đa &amp; tốc độ động cơ là 1500 rpm trong 5 phút</li> <li>• Kiểm tra giá trị áp suất ở HP &amp; LP &amp; so sánh với Step 4. STEP 4 - Quy trình chẩn đoán áp suất ga lạnh được đo ở phía áp suất thấp và phía áp suất cao</li> </ul>	Áp suất ga lạnh như dưới đây 5-8 bar		

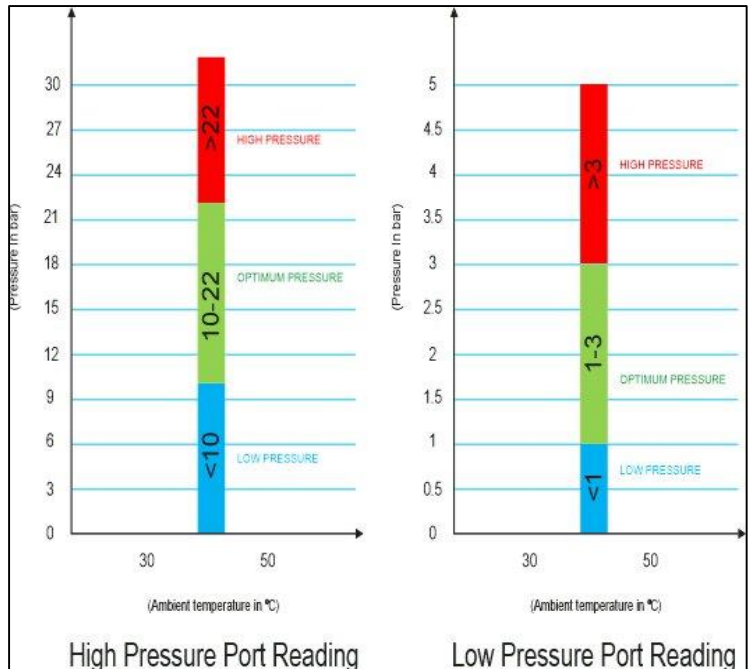
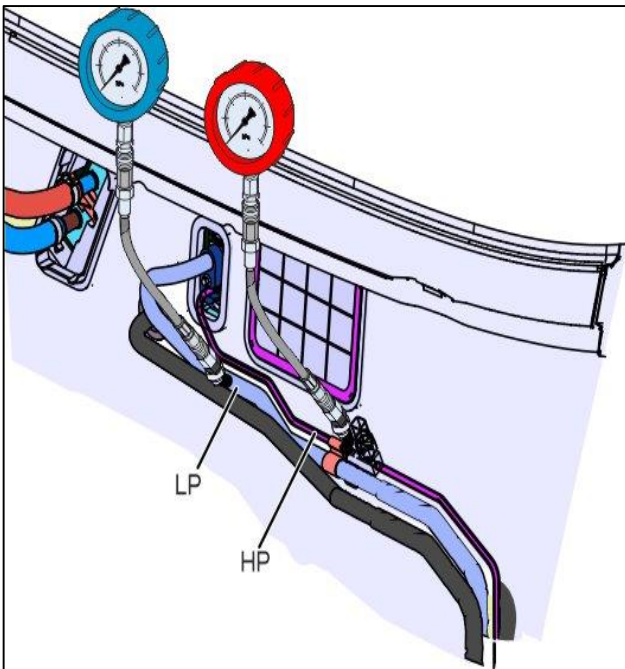
Nếu hệ thống làm lạnh không có lỗi, tiếp tục với STEP 4.2

Nếu hệ thống làm lạnh có lỗi thì hãy làm sạch hệ thống và nạp lại chất làm lạnh theo thông số kỹ thuật.

**STEP 4 - Quy trình chẩn đoán áp suất ga lạnh được đo ở phía áp suất thấp và phía áp suất cao**



Kiểm tra giá trị áp suất ở cổng áp cao (HP) và cổng áp thấp (LP)





Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Áp suất thấp ở cả phía áp thấp và phía áp cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ga lạnh không đủ</li> <li>Ga lạnh bị rò rỉ trong chu trình làm lạnh. Xem bước 4.1 – Lỗi rò rỉ ga lạnh</li> </ul>	Kiểm tra rò rỉ với thiết bị dò rò rỉ ga lạnh. Refer impact: 87007-1 Refrigerant, filling <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu có nghi ngờ bất kì rò rỉ nào cần sửa chữa.</li> </ul> Nạp ga lạnh theo tiêu chuẩn. Refer impact: Air conditioning <ul style="list-style-type: none"> <li>Thay thế tui lọc kết dàn nóng</li> </ul>		
Hệ thống làm lạnh có bị rò rỉ không?				
<b>Nếu không có rò rỉ ga lạnh, tiếp tục với STEP 4.2</b>				
<b>Nếu ga lạnh không đúng với thông số, ngăn chặn rò rỉ ga lạnh với STEP 4.1</b>				

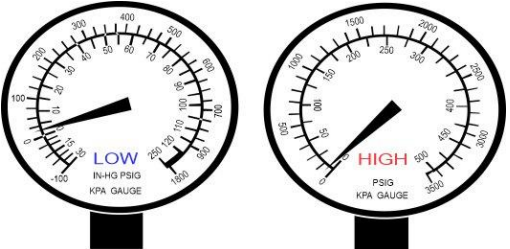
**STEP 4.1: Lỗi rò rỉ ga lạnh**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Lỗi rò rỉ ga lạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết nối đường ống</li> <li>Kết dàn nóng</li> <li>Tại các mối hàn của đường ống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thử xả phòng để kiểm tra rò rỉ</li> <li>Nếu rò rỉ được tìm thấy, sửa lại</li> <li>Rút và nạp ga lạnh tại 700±50gm như Impact ID 87007-1 Refrigerant, filling</li> </ul>		
Các bộ phận có được nhận thấy là rò rỉ không?				
<b>Thực hiện theo/ lặp lại STEP 3 để đảm bảo áp suất hệ thống nằm trong thông số kỹ thuật STEP – 3: Kiểm tra áp suất gas lạnh (Phốt chặn bụi PRV vẫn đóng)</b>				

**Lưu ý:** Sau khi hút chân không, áp suất ở HP & LP phải là -1 bar. (Thực hiện kiểm tra khả năng giữ chân không theo khuyến nghị của nhà sản xuất thu hồi) Bằng cách này, nó đảm bảo rằng không có chất làm lạnh nào có sẵn bên trong hệ thống và không có rò rỉ trong hệ thống

Thời gian hút chân không: 30 – 40 phút

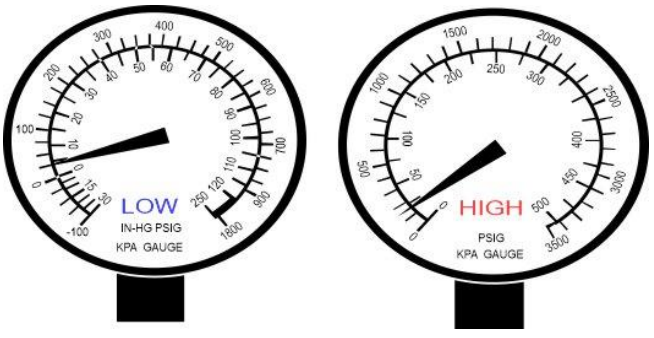
**STEP 4.2 - Áp suất thấp ở phía áp thấp và phía áp cao (không có rò rỉ)**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Áp suất thấp ở phía áp thấp và phía áp cao 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng băng trên ống mao dẫn làm cân lưu thông của ga lạnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay thế ống mao dẫn. refer IMPACT 87972-2 Air cooler support frame, replace &amp; 87405-3 Drier, replace</li> <li>Rút, hút chân không, nạp lại ga lạnh theo tiêu chuẩn quy định. Refer impact: 87011-1 Refrigerant, draining for re-using &amp; 87007-1 Refrigerant, filling</li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng băng trên dàn lạnh, đường ống áp thấp của AC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra tình trạng phốt PRV, độ sạch của két dàn lạnh, điều kiện lọc cellulose</li> <li>Kiểm tra cảm biến nhiệt độ dàn lạnh, STEP – 8: Check &amp; Clean Evaporator Temperature sensor</li> <li>Kiểm tra độ sạch của két dàn lạnh. STEP – 9: Evaporator Cleaning</li> <li>Rút, hút chân không, nạp lại ga lạnh theo tiêu chuẩn quy định. Refer impact: 87011-1 Refrigerant, draining for re-using &amp; 87007-1 Refrigerant, filling</li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng băng trong</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay ống mao dẫn. Refer</li> </ul>		

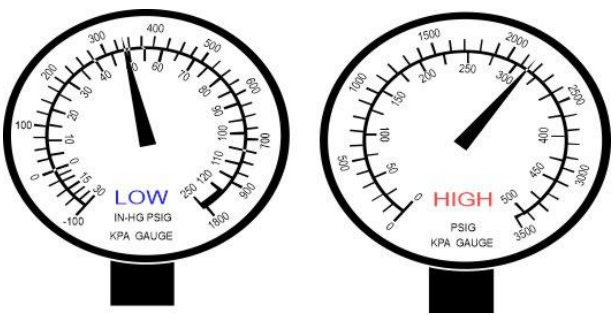


	đường ống hút do nâng van quá mức đối với TXV	IMPACT 87972-2 Air cooler support frame, replace & 87405-3 Drier, replace • Rút, hút chân không, nạp lại ga lạnh theo tiêu chuẩn quy định. Refer impact: 87011-1 Refrigerant, draining for re-using & 87007-1 Refrigerant, filling		
--	-----------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

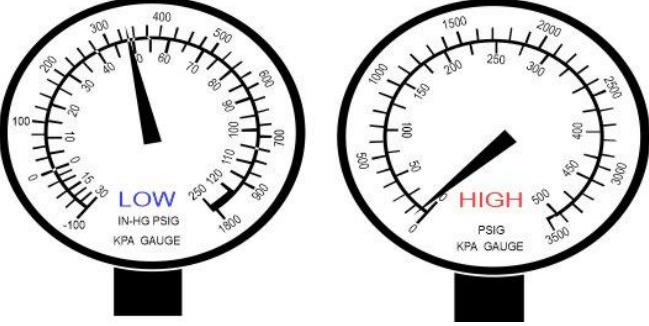
**STEP 4.3 - Áp suất tối ưu ở phía áp thấp và phía áp cao**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
<p>Áp suất tối ưu ở phía áp thấp và phía áp cao</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dàn lạnh bị tắt hoặc bị nghẹt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vệ sinh dàn lạnh. Xem STEP 9 - Evaporator Cleaning</li> </ul>		
Thiết bị bay hơi bị tắc nghẽn hoặc bụi bẩn không?				

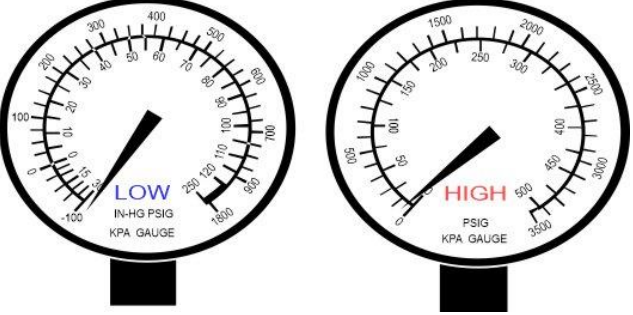
**STEP 4.4 – Áp suất cao ở phía áp thấp và phía áp cao**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
<p>Áp suất cao ở phía áp thấp và phía áp cao</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dư ga lạnh trong hệ thống</li> <li>Lát mát kết dàn nóng không đủ do cánh tản nhiệt dàn nóng bị tắc</li> <li>Quạt làm mát kết nước giải nhiệt bị lỗi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại ga lạnh theo thông số quy định. Refer IMPACT 87011-1 Refrigerant, draining for re-using &amp; 87007-1 Refrigerant, filling</li> <li>Vệ sinh dàn nóng cẩn thận tránh làm hỏng cánh tản nhiệt</li> <li>Kiểm tra chức năng van hằng nhiệt. 26311-2 Thermostat controlled fan, function check</li> </ul>		
• Hệ thống làm lạnh có bị lỗi không?				
<p>Nếu hệ thống làm lạnh không bị lỗi, tiếp tục STEP 5 – Lỗi máy nén lạnh AC</p> <p>Nếu hệ thống làm lạnh bị lỗi, vệ sinh hệ thống, nạp lại ga lạnh theo chỉ định</p>				

**STEP 4.5 – Áp suất cao ở phía áp thấp và áp suất thấp ở phía áp cao**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
<p>Áp suất cao ở phía áp thấp và áp suất thấp ở phía áp cao</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lỗi máy nén lạnh AC (Rò rỉ bên trong/ hư hỏng máy nén lạnh AC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm theo STEP 5 - <u>AC compressor failure</u></li> </ul>		

**STEP 4.6 - Áp suất ở phía áp cao trở nên thấp/dao động và áp suất ở phía áp thấp trở nên âm/dao động**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
<p>Áp suất ở phía áp cao trở nên thấp/dao động và áp suất ở phía áp thấp trở nên âm/dao động</p> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>Túi lọc hút ẩm và cụm nắp đậy</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>Cẩn thận!</b></p> <p>Không làm hư hỏng các cánh tản nhiệt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm theo STEP – 7: Without compressor failure</li> </ul>		

**STEP 5 – Lỗi máy nén lạnh AC**

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Lỗi máy nén lạnh AC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Máy nén lạnh AC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay thế máy nén lạnh AC. Refer 87404-2 Air conditioning compressor, replace</li> </ul>		

Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Kiểm tra nghẹt két dàn lạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng băng, bị bẩn bởi các hạt vật chất trên dàn lạnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu nghẹt, nó phải được tháo ra, vệ sinh và lắp lại. Refer Impact: 87402-2 Evaporator, replace</li> <li>Rút và nạp lại ga với định mức 650±50gm. Refer Impact 87011-1 Refrigerant, draining for re-using &amp; 87007-</li> </ul>		



		1 Refrigerant, filling • Làm theo STEP 2 – đảm bảo rằng áp suất hệ thống là đúng với thông số kỹ thuật		
Ga lạnh ở phía áp thấp > 5 bar	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lỗi máy nén lạnh</li> <li>• Rò rỉ bên trong/ hư hỏng máy nén lạnh AC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay thế máy nén lạnh AC. Refer 87404-2 Air conditioning compressor, replace</li> <li>• Vệ sinh lưới nylon và bộ lọc cellulose. Kiểm tra cảm biến nhiệt độ dàn lạnh. Tham khảo STEP - 4 để biết quy trình.</li> </ul>		
Máy nén lạnh AC và dàn lạnh có bị lỗi không?				
<b>Nếu máy nén lạnh AC và dàn lạnh không bị lỗi, kế đó thực hiện STEP 4</b> <b>Nếu máy nén lạnh AC bị lỗi, kế đó thay thế máy nén lạnh AC</b> <b>Nếu dàn lạnh bị lỗi, vệ sinh và lắp lại, nếu hư hỏng thì thay mới.</b>				

**ĐIỀU KIỆN C – Không làm mát**  
**STEP 6 – Ly hợp từ không gài**

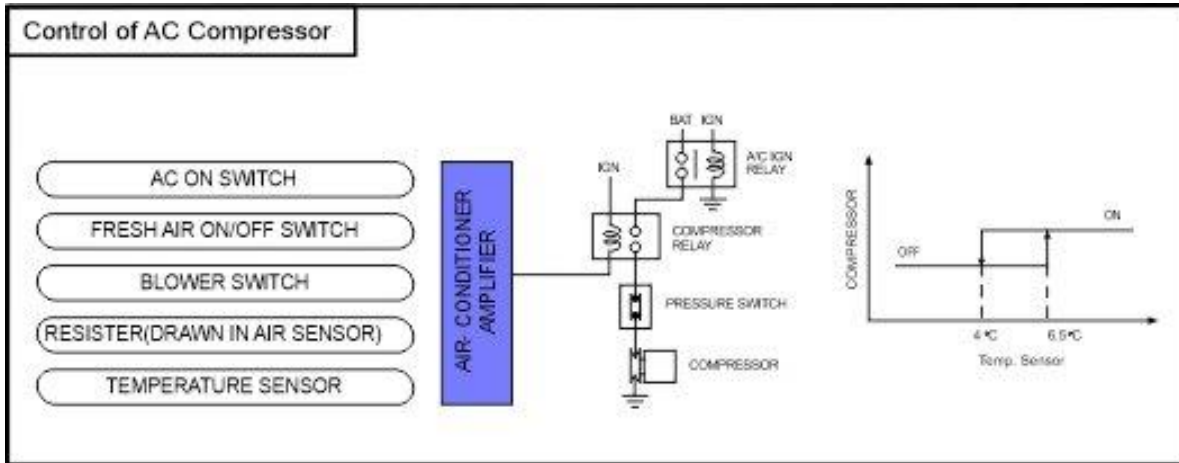
Mục đích	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Kiểm tra điện áp ly hợp từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngắn mạch hoặc hở mạch trong bó dây điện sẽ làm cho ly hợp từ không gài để làm mát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bật chia khoá ON</li> <li>• Khởi động động cơ</li> <li>• Sử dụng VOM</li> <li>• Thang đo mong đợi khi ly hợp gài: 22-25V</li> <li>• Nếu phốt chặn bụi PRV đóng, kế đó kiểm tra cuộn dây của ly hợp từ. Refer impact 87442-4 Compressor clutch, replace</li> <li>• Nếu phốt chặn bụi PRV hở, làm theo STEP 3.4</li> </ul>		
• Điện áp của ly hợp từ có nằm trong thông số chỉ định không?				
<b>Nếu điện áp ly hợp từ nằm trong thông số, thực hiện bước tiếp theo</b> <b>Nếu điện áp ly hợp từ không nằm trong thông số, kiểm tra ngắn mạch tại bó dây điện</b> <b>Nếu bó dây bị lỗi, sửa chữa/thay thế</b> <b>Nếu bó dây không bị lỗi, thay thế ly hợp từ</b>				
Kiểm tra điện áp giữa công tắc áp suất và mass sườn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngắn mạch hoặc hở mạch trong bộ dây sẽ khiến công tắc áp suất gặp trục trặc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khoá điện ON</li> <li>• Khởi động động cơ</li> <li>• Sử dụng VOM để đo điện áp giữa công tắc áp suất và mass sườn</li> <li>• Điện áp mong đợi: 4-5V</li> </ul>		
Điện áp công tắc áp suất có nằm trong thông số không?				
<b>Nếu điện áp công tắc áp suất không nằm trong thông số, thực hiện bước tiếp theo</b> <b>Nếu công tắc áp suất nằm trong thông số, tiếp tục kiểm tra điện áp máy nén lạnh AC</b>				
Kiểm tra công tắc áp suất và bó dây điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lỗi công tắc áp suất</li> <li>• Lỗi bó dây điện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra rằng công tắc áp suất và các chân kết nối không bị hư hỏng</li> <li>• Kiểm tra hư hỏng của bó dây điện</li> </ul>		



• Công tắc áp suất và bó dây không bị lỗi?				
<b>Nếu bó dây điện bị lỗi, thay thế/sửa chữa</b> <b>Nếu bó dây điện không bị lỗi, thay thế công tắc áp suất</b>				
Kiểm tra rơ le máy nén lạnh AC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngắn mạch hoặc hở mạch trong bộ dây sẽ khiến máy nén lạnh AC gặp trục trặc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoá điện ON</li> <li>Sử dụng VOM đo điện áp rơ le máy nén lạnh AC</li> <li>Điện áp mong đợi: 22-25V</li> </ul>		
• Điện áp rơ le máy nén lạnh AC có nằm trong thông số?				
<b>Nếu điện áp nằm trong thông số, tiếp tục bước tiếp theo</b> <b>Nếu điện áp không nằm trong thông số, thay thế/sửa chữa bó dây điện</b>				
Kiểm tra rơ le kích hoạt AC và bó dây điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rơ le K01 lỗi</li> <li>Bó dây điện lỗi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra rơ le K01 và các chân kết nối không bị lỏng</li> <li>Kiểm tra hư hỏng bó dây</li> </ul>		
Rơ le kích hoạt AC có bị lỗi không?				
<b>Nếu rơ le kích hoạt AC và bó dây điện không bị lỗi, thực hiện bước tiếp theo</b> <b>Nếu rơ le kích hoạt AC bị lỗi, thay thế nó</b> <b>Nếu bó dây điện bị lỗi, thay thế/ sửa chữa</b>				
Kiểm tra chức năng máy nén lạnh AC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lỗi rơ le K01</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoá điện ON</li> <li>Khởi động động cơ</li> <li>Công tắc AC là ON</li> <li>Nghe âm thanh rơ le nhảy (tiếng CLICK)</li> </ul>		
Rơ le máy nén lạnh AC có kích hoạt không?				
<b>Nếu rơ le máy nén lạnh AC làm việc như mong đợi, tiếp tục bước tiếp theo</b> <b>Nếu rơ le máy nén lạnh AC không làm việc như mong đợi, thay thế rơ le</b>				
Kiểm tra điện áp đầu vào của cảm biến nhiệt độ dàn lạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngắn mạch hoặc hở mạch trong bộ dây sẽ khiến cảm biến nhiệt độ dàn lạnh gặp trục trặc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoá điện ON</li> <li>Sử dụng VOM để đo điện áp đầu vào của cảm biến</li> <li>Điện áp mong đợi: 4-5V</li> </ul>		
Điện áp cảm biến nhiệt độ dàn lạnh có nằm trong thông số?				
<b>Nếu điện áp không nằm trong thông số, thực hiện bước tiếp theo</b> <b>Nếu điện áp nằm trong thông số, kiểm tra sơ đồ điều khiển máy nén lạnh AC</b>				
Kiểm tra bó dây điện của xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngắn mạch hoặc hở mạch trong bộ dây sẽ khiến cảm biến nhiệt độ dàn lạnh gặp trục trặc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra bằng mắt để xem có hư hỏng trong bó dây điện không</li> <li>Kiểm tra nối mass có liên tục không</li> </ul>		
Bó dây điện của xe có lỗi không?				
<b>Nếu bó dây điện bị lỗi, sửa chữa/thay thế</b> <b>Nếu bó dây điện không bị lỗi, thay thế cảm biến nhiệt độ dàn lạnh</b>				



### MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY NÉN LẠNH AC

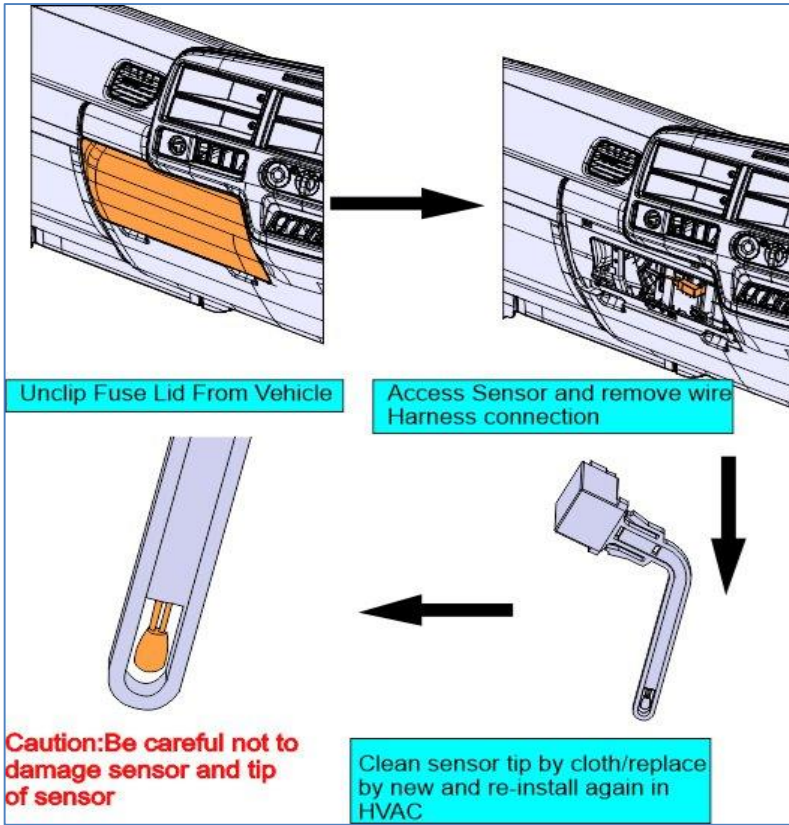


#### STEP 7 – Không phải lỗi máy nén lạnh

Mục đích	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
<p>Áp suất ở phía áp cao trở nên thấp/dao động và áp suất ở phía áp thấp trở nên âm/dao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Túi lọc hút ẩm và cụm nắp đậy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay thế túi lọc hút ẩm và cụm nắp đậy. 87077-2 Desiccant, replace</li> <li>Rút và nạp ga lạnh AC theo thông số <math>700 \pm 50\text{gm}</math>. 87007-1 Refrigerant, filling</li> </ul>		
<p><b>Thực hiện theo / lặp lại STEP 4 để đảm bảo áp suất hệ thống nằm trong thông số kỹ thuật. STEP – 4: Diagnostic Flow for Measured Refrigerant Gas Pressure at low Pressure side and high pressure side</b></p>				



**STEP 8 – Kiểm tra & vệ sinh cảm biến nhiệt độ dàn lạnh**



Mục đích	Nguyên nhân có thể	Hành động	Yes	No
Kiểm tra và vệ sinh cảm biến nhiệt độ dàn lạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu dò của cảm biến bị bẩn bởi bụi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lưu ý: không làm hỏng đầu dò của cảm biến trong khi vệ sinh</li> <li>Không tác dụng lực mạnh trên đầu dò cảm biến, sẽ làm hỏng cảm biến</li> <li>Thay cảm biến mới nếu không thể vệ sinh</li> <li>Để thay cảm biến, refer the IMPACT operation 87412-2 Thermostat, replace</li> </ul>		
Cảm biến nhiệt độ dàn lạnh có bị lỗi không?				
<p><b>Nếu cảm biến nhiệt độ dàn lạnh không bị lỗi, thực hiện STEP 5</b></p> <p><b>Nếu cảm biến nhiệt độ dàn lạnh bị lỗi, thay thế</b></p>				



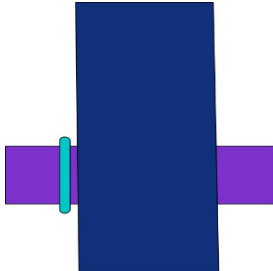
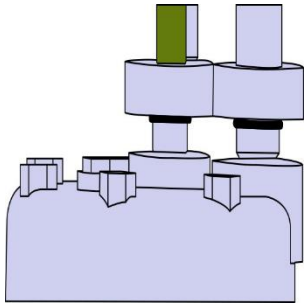
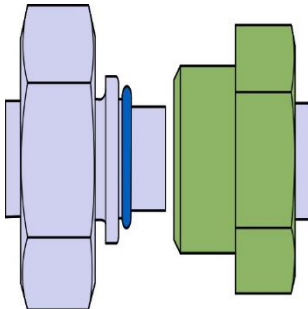
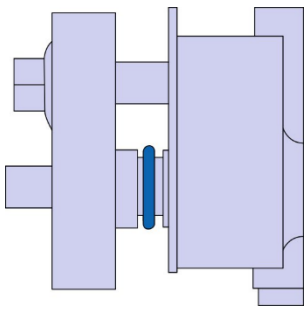
**STEP 9 – Vệ sinh dàn lạnh**

Kiểm tra nghẹt dàn lạnh. Nếu nghẹt, tháo ra, vệ sinh và lắp lại. Refer IMPACT 87402-2 Evaporator, replace

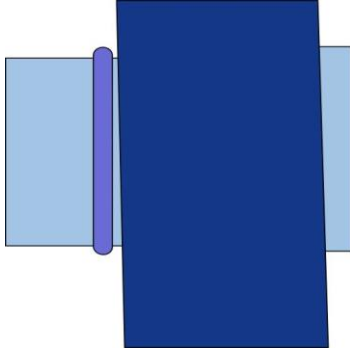
Thông số kỹ thuật AC

Refer Impact: Air conditioning

**Danh sách các sin chữ O và bề mặt tương ứng**

Mã phụ tùng	Bề mặt tương ứng
17810 9Z01B	Từ ống chất lỏng đến TXV (HVAC) 
17810 9Z01A	Từ máy nén lạnh đến ống hút và xả 
17810 9Z01A	
17810 9Z01C	Từ ống chất lỏng dàn nóng đến ống chất lỏng TXV 
17810 9Z01D	Từ đường ra dàn nóng đến ống chất lỏng 



<p><b>17810 9Z00D</b></p>	<p>Từ TXV (HVAC) đến đường ống hút</p> 
<p><b>17810 9Z00B</b></p>	<p>Từ ống xả cuối máy nén lạnh đến đầu vào của dàn lạnh</p> 